CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN
DN: C=VN, S=PHÚ YÊN, L=TP. Tuy Hòa, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:4400115690
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2020-03-20 13:46:03
Foxit Reader Version: 9.6.0

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
# CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN
# NĂM 2019

*(Theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)*

## I. Thông tin chung:

### 1. Thông tin khái quát:

| | |
|---|---|
| - Tên Công ty: | Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên |
| - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: | Số 4400115690 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp lần đầu ngày 15 tháng 03 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 03 tháng 12 năm 2019 |
| - Vốn điều lệ: | 383.981.790.000 đồng (Ba trăm tám mươi ba tỷ chín trăm tám mươi mốt triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng) |
| - Vốn đầu tư của chủ sở hữu: | 429.362.955.272 đồng (Bốn trăm hai mươi chín tỷ ba trăm sáu mươi hai triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn hai trăm bảy mươi hai đồng) |
| - Trụ sở chính: | Số 05 Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên |
| - Điện thoại: | (0257) 3823 557 |
| - Fax: | (0257) 3828 388 |
| - Website: | www.capthoatnuocpy.com.vn |
| - Mã chứng khoán: | PWS |

- Quá trình hình thành và phát triển:

Tiền thân của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên là Ban Quản lý các công trình nhà máy nước tỉnh Phú Yên và đã trải qua nhiều giai đoạn phát triển:

*+ Giai đoạn 9/1996 – 8/2000:*

Được thành lập vào ngày 28/9/1996 trên cơ sở tổ chức lại Ban Quản lý các công trình nhà máy nước tỉnh Phú Yên, với tên gọi là Công ty Cấp nước Phú Yên hoạt động công ích theo Quyết định số 1443/QĐ-UB của UBND Tỉnh, quản lý và khai thác nhà máy nước thị xã Tuy Hòa với công suất là 5.000m$^3$/ngày.

*+ Giai đoạn 9/2000 – 11/2005:*

Ngày 14/8/2000 Công ty được đổi tên thành Công ty Cấp thoát nước Phú Yên theo Quyết định số 2025/QĐ-UB của UBND tỉnh với chức năng, nhiệm vụ được giao thêm là quản lý, khai thác, duy tu, sửa chữa hệ thống thoát nước thị xã Tuy Hòa (nay là thành phố Tuy Hòa).

*+ Giai đoạn 12/2005 đến nay:*

Từ ngày 22/12/2005, Công ty được đổi tên thành Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Phú Yên, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo Quyết định số 2878/QĐ-UBND của UBND tỉnh.

Ngày 10/11/2015 được chuyển thành Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4400115690 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp.

**2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:**

***2.1. Ngành nghề kinh doanh chính:***

- Khai thác, xử lý và phân phối nước sạch;
- Hoạt động vệ sinh môi trường (Dịch vụ thoát nước đô thị).

***2.2. Địa bàn kinh doanh:***

Địa bàn kinh doanh Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên như sau:

- Nhà máy nước Tuy Hòa – thành phố Tuy Hòa; huyện Đông Hòa: các thị trấn Hòa Vinh, Hòa Hiệp Trung, các khu dân cư xã: Hòa Hiệp Bắc, Hòa Hiệp Nam, Hòa Tân Đông;
- Nhà máy nước Sông Cầu – thị xã Sông Cầu và các vùng lân cận;
- Nhà máy nước Đông Bắc Sông Cầu – xã Xuân Bình, Xuân Lộc, Xuân Hải và Khu Công nghiệp Đông Bắc Sông Cầu thuộc thị xã Sông Cầu;
- Nhà máy nước Tuy An – huyện Tuy An;
- Nhà máy nước Đồng Xuân – huyện Đồng Xuân;
- Nhà máy nước Hai Riêng – huyện Sông Hinh;
- Nhà máy nước Củng Sơn – huyện Sơn Hòa;
- Nhà máy nước Phú Hòa – huyện Phú Hòa;
- Nhà máy nước Vũng Rô – xã Hòa Xuân Nam, huyện Đông Hòa.

**3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:**

***3.1. Mô hình quản trị:***

Mô hình quản trị của Công ty bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát

***3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:***

*- Ban Giám đốc:*

+ Giám đốc phụ trách chung
+ Phó Giám đốc phụ trách khách hàng
+ Phó Giám đốc phụ trách sản xuất

*- Các phòng chức năng gồm:*

+ Phòng Hành chính – Tổng hợp

+ Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật

+ Phòng Kế toán – Tài vụ

+ Phòng Quản lý đầu tư – Xây dựng cơ bản

+ Xí nghiệp Tư vấn – Xây lắp

+ Xí nghiệp Cấp nước số 1

+ Xí nghiệp Cấp nước số 2

+ Xí nghiệp Cấp nước số 3

***3.3. Các công ty con, công ty liên kết:*** Không có.

**4. Định hướng phát triển:**

***4.1. Các mục tiêu chủ yếu:***

- Đến hết năm 2020, tiêu chuẩn cấp nước bình quân tại các đô thị từ loại IV trở lên đạt 120lít/người/ngày đêm, các đô thị loại V đạt 100 lít/người/ngày đêm; chất lượng sản phẩm nước sạch đến người tiêu dùng luôn được kiểm soát theo Quy chuẩn của Bộ Y tế;

- Dịch vụ cấp nước ổn định, liên tục 24 giờ trong ngày;

- Đảm bảo hoạt động đúng ngành nghề theo Điều lệ Công ty và đầu tư chuyên sâu vào lĩnh vực cấp nước đô thị;

- Đầu tư phát triển đảm bảo đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội của địa phương; đảm bảo các mục tiêu an sinh xã hội của nhà nước;

- Định hướng đầu tư phát triển bền vững và theo lộ trình đổi mới, sắp xếp doanh nghiệp của Chính phủ;

- Dịch vụ vận hành hệ thống thoát nước thải thành phố Tuy Hòa theo hợp đồng kinh tế;

- Các chỉ tiêu: Sản lượng tiêu thụ, doanh thu, lợi nhuận tăng trưởng ổn định, bền vững;

- Việc làm của người lao động ổn định, thu nhập bình quân đầu người ngày càng được cải thiện.

***4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:***

- Tập trung nhiều giải pháp để giảm thất thoát, thất thu nước sạch, mục tiêu đến năm 2025 tỷ lệ thất thoát dưới 15%.

- Cùng với định hướng phát triển đô thị của tỉnh Phú Yên, định hướng phát triển cấp nước đến hết năm 2020 là 90% dân số đô thị trên địa bàn tỉnh Phú Yên được sử dụng nước sạch, đến 2025 là 99%.

- Ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trong quản lý, điều hành gắn với các chương trình hợp tác đầu tư dịch vụ phục vụ cấp nước.

- Sử dụng có hiệu quả và bảo toàn vốn của Công ty.

***4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:***

- Từng bước chuyển đổi nguồn nước khai thác từ nước dưới đất sang nước mặt ở những khu vực có điều kiện khai thác nước mặt, phù hợp với công nghệ của

từng nhà máy để đảm bảo tính bền vững, giảm chi phí, phấn đấu đến năm 2025 đạt trên 90% sản lượng khai thác nguồn nước mặt; chú trọng đến công tác bảo vệ môi trường trong khai thác nước và xử lý nước thải của các nhà máy.

- Đáp ứng đủ nhu cầu nước sinh hoạt cho cộng đồng, góp phần nâng cao sức khỏe cộng đồng, giảm thiểu bệnh tật do sử dụng nguồn nước ô nhiễm.

- Chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật về khai thác và kinh doanh nước sạch; hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ thuế với nhà nước.

- Phát triển bền vững, đảm bảo hài hòa lợi ích giữa doanh nghiệp, người lao động và cổ đông Công ty.

**5. Rủi ro:**

- Dân cư phân bố không đồng đều nên những khu vực xa trung tâm, nằm ngoài thành phố hoặc các thị trấn có mật độ dân cư thưa dẫn đến hiệu suất đầu tư thấp, thường xuyên bù lỗ. Một số khu vực đã đầu tư mạng lưới cấp nước nhưng do người dân có thói quen và ưu tiên sử dụng nước giếng khoan, giếng đào nên rất hạn chế sử dụng nguồn nước Công ty cung cấp dẫn đến hiệu quả đầu tư tại một số khu vực không cao.

- Tình trạng khách hàng tự ý can thiệp vào cụm đồng hồ còn tiếp diễn làm hư hỏng đồng hồ, vật tư trong cụm đồng hồ dẫn đến thất thoát nước .

- Một số tuyến ống được đầu tư trên15 năm thường xuyên rò rỉ làm tăng chi phí sửa chữa và thất thoát lớn.

- Công tác chỉnh trang đô thị, công tác mở rộng nâng cấp các tuyến đường đô thị thực hiện chưa đồng bộ, chưa phối hợp chặt chẽ giữa các chủ đầu tư và các đơn vị quản lý hạ tầng kỹ thuật trong đó có hạ tầng cấp nước dẫn đến một số tuyến ống bị bể trong quá trình thi công hoặc bị lấp sâu do nâng cao độ nền đường, nền vỉa hè gây khó khăn trong việc kiểm soát thất thoát rò rỉ và đấu nối khách hàng.

- Quản lý nguồn nước (đặc biệt là nguồn nước mặt) tại một số địa phương còn chưa chặt chẽ, nhất là công tác quản lý các hộ kinh doanh nhỏ lẻ xả thải chưa qua hệ thống xử lý có nguy cơ gây ô nhiễm nguồn nước. Các giếng khai thác được đặt ở các vị trí ven sông, nguy cơ sạt lở trong mùa mưa lũ cao, ảnh hưởng đến khả năng khai thác của các nhà máy.

- Tình hình hạn hán, nhiễm mặn do biến đổi khí hậu ngày càng khắc nghiệt làm ảnh hưởng công tác sản xuất tại các nhà máy nước (năm 2019 NMN Sông Cầu bị thiếu nước kéo dài hơn 60 ngày).

**II. Tình hình hoạt động năm 2019:**

**1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:**

Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2019 được thể hiện trong bảng sau:

| Stt | Chỉ tiêu | Đvt | Kế hoạch 2019 | Thực hiện năm 2019 | So với kế hoạch (%) |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Sản lượng nước sản xuất | $m^3$ | 13.300.000 | 13.606.587 | 102,3 |
| 2 | Sản lượng nước tiêu thụ | $m^3$ | 10.700.000 | 11.036.195 | 103,1 |

| Stt | Chỉ tiêu | Đvt | Kế hoạch 2019 | Thực hiện năm 2019 | So với kế hoạch (%) |
|---|---|---|---|---|---|
| 3 | Tỷ lệ nước thất thoát, thất thu | % | 20 | 18,9 | giảm 1,1% |
| 4 | Tổng doanh thu và thu nhập | Tr.đồng | 110.000 | 118.836 | 108,0 |
| | *Trong đó:* | | | | |
| | *- Hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch* | *Tr.đồng* | *97.000* | *101.011* | *104,1* |
| | *- Hoạt động kinh doanh khác* | *Tr.đồng* | *10.000* | *6.875* | *68,7* |
| | *- Hoạt động tài chính* | *Tr.đồng* | *3.000* | *10.950* | *365,0* |
| 5 | Lợi nhuận trước thuế | Tr.đồng | 21.000 | 29.043 | 138,3 |
| 6 | Nộp ngân sách (miễn thuế TNDN) | Tr.đồng | 5.000 | 11.509 | 230,2 |
| 7 | Tỷ lệ cổ tức/ Vốn điều lệ | % | 3,5 | 9,5 | 271,4 |

**** Ghi chú:*** Tỷ lệ trả cổ tức năm 2019 bằng 9,5% là số dự kiến trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 quyết định.

**2. Tổ chức và nhân sự:**

***2.1. Danh sách Ban điều hành:***

| Stt | Họ và tên | Chức vụ | Ngày sinh | Địa chỉ | Trình độ nghề nghiệp | Ngày bổ nhiệm | Tỷ lệ cổ phần sở hữu |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Lê Xuân Triết | Giám đốc | 01/5/1962 | 163 Nguyễn Huệ, phường 5, Tp. Tuy Hòa, Phú Yên | Kỹ sư Xây dựng Dân dụng và công nghiệp | 03/11/2015 | Đại diện phần vốn nhà nước: 32,24% |
| 2 | Đỗ Hoàng Long | Giám đốc | 15/2/1975 | 106 Mạc Đĩnh Chi, Phường Lê Thanh Nghị, TP Hải Dương | Thạc sỹ Kỹ thuật cơ sở hạ tầng | 02/12/2019 | Đại diện phần vốn C.ty Aqua One: 59,58% |
| 3 | Nguyễn Phú Liệu | Phó Giám đốc | 08/9/1966 | Tổ 13, khu phố Trần Phú, P8, Tp. Tuy Hòa, Phú Yên | Kỹ sư Xây dựng - CN Cấp thoát nước | 03/11/2015 | Cá nhân: 0,0130% |
| 4 | Nguyễn Tấn Thuần | Phó Giám đốc | 28/5/1967 | 123 Hùng Vương, Phường 6, Tp. Tuy Hòa, Phú Yên | Kỹ sư Xây dựng Dân dụng và công nghiệp | 03/11/2015 | ĐD phần vốn NN: 6,15%<br>Cá nhân: 0,1291% |

| Stt | Họ và tên | Chức vụ | Ngày sinh | Địa chỉ | Trình độ nghề nghiệp | Ngày bổ nhiệm | Tỷ lệ cổ phần sở hữu |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 5 | Đặng Đức Hoàng | Phó Giám đốc | 19/3/1964 | 1023 c/c 86 Tản Đà, phường 11, quận 5, TP Hồ Chí Minh. | Cử nhân Tài chính doanh nghiệp | 08/7/2019 | |
| 6 | Trần Thị Lục Hà | Kế toán trưởng | 04/5/1961 | 314 Trần Hưng Đạo, P.6, Tp. Tuy Hòa, Phú Yên | Đại học Tài chính Kế toán | 16/5/2017 | Cá nhân: 0,0078% |

***2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành:***

Miễn nhiệm Giám đốc (từ 02/12/2019) đối với ông Lê Xuân Triết và 01 Phó Giám đốc (từ 02/12/2019) đối với ông Đặng Đức Hoàng; bổ nhiệm Giám đốc (từ 02/12/2019) đối với ông Đỗ Hoàng Long.

***2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi chính sách đối với người lao động:***

Tổng số cán bộ, người lao động trong Công ty tính đến ngày 31/12/2019 là: 213 người, phân loại lao động chi tiết theo bảng sau:

| Tiêu chí | Số lượng (người) | Tỷ lệ (%) |
|---|---|---|
| **Tổng số** | | |
| **1. Phân loại theo trình độ lao động** | **213** | **100%** |
| - Trình độ trên Đại học | 04 | 1,88% |
| - Trình độ Đại học | 62 | 29,11% |
| - Trình độ Cao đẳng | 20 | 9,39% |
| - Trình độ Trung cấp | 37 | 17,37% |
| - Chứng chỉ nghề | 90 | 42,25% |
| - Công nhân kỹ thuật | | |
| - Lao động phổ thông | | |
| **2. Phân theo loại hợp đồng lao động** | **213** | **100%** |
| - Hợp đồng lao động không xác định thời hạn | 156 | 73,24 |
| - Hợp đồng lao động có thời hạn từ 1-3 năm | 49 | 23% |
| - Hợp đồng lao động thời vụ, thử việc | 8 | 3,76 |
| **3. Phân theo giới tính** | **213** | **100%** |
| - Nam | 161 | 75,59% |
| - Nữ | 52 | 24,41% |

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách, phúc lợi cho người lao động như chế độ lương, thưởng, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, tiền ăn ca, đồng phục, bảo hộ lao động, tham quan, khám sức khỏe định kỳ, thăm hỏi ốm đau, .... và nhiều hoạt động chăm lo đời sống vật chất, tinh thần khác.

**3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:**

***3.1. Các khoản đầu tư lớn:*** Công ty thực hiện đầu tư xây dựng trong năm 2019 như sau:

| Stt | Tên dự án, công trình | Thời gian hoàn thành | Tổng mức đầu tư *(tr.đồng)* | Kế hoạch năm 2019 *(tr.đồng)* | Giải ngân năm 2019 (tr.đồng) |
|---|---|---|---|---|---|
| | **Tổng số** | | **190.000** | **95.000** | **27.662** |
| **I** | **Vốn góp cổ đông** | | **150.000** | **75.000** | **27.610** |
| 1 | Cải tạo, nâng cấp Nhà máy nước Tuy Hòa công suất 28.000m$^3$/ngày đêm | 26/02/20 | 80.000 | 60.000 | 27.020 |
| 2 | Nâng cấp, mở rộng Nhà máy nước Sông Cầu từ 5.000m$^3$/ngày đêm lên 8.000m$^3$/ngày đêm | | 30.000 | 5.000 | 201 |
| 3 | Nâng cấp Nhà máy nước khu vực Đông Bắc Sông Cầu từ 900m$^3$/ngày đêm lên 5.000m$^3$/ngày đêm | | 40.000 | 10.000 | 389 |
| **II** | **Vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp và huy động các nguồn khác** | | **40.000** | **20.000** | **52** |
| 1 | Đầu tư nâng cấp nhà máy nước Củng Sơn từ 2.000 m$^3$/ngđ lên 5.000 m$^3$/ngđ | | 15.000 | 5.000 | - |
| 2 | Phát triển tuyến ống dịch vụ cấp nước cho các khu dân cư trong toàn tỉnh | | 10.000 | 7.000 | - |
| 2.1 | Phát triển tuyến ống dịch vụ cấp nước khu dân cư đường Mậu Thân, phường 9; Khu dân cư phía Đông đường Nguyễn Tất Thành (đoạn từ Công ty Thai Nakorn Patana đến đường Mậu Thân), xã Bình Kiến, một số khu vực thuộc huyện Đông Hòa | | 6.000 | 4.300 | - |
| 2.2 | Phát triển tuyến ống dịch vụ cấp nước đường Nguyễn Thị Minh Khai, Hùng Vương (xóm Hồ) - TT Củng Sơn và đường Suối Bạc 3 (đoạn từ ngã tư Trần Phú-Suối Bạc 1 đi Suối Bạc 4) – xã Suối Bạc | 17/01/20 | 450 | 450 | - |

| Stt | Tên dự án, công trình | Thời gian hoàn thành | Tổng mức đầu tư *(tr.đồng)* | Kế hoạch năm 2019 *(tr.đồng)* | Giải ngân năm 2019 (tr.đồng) |
|---|---|---|---|---|---|
| 3 | Thay thế một số tuyến ống cũ; thay đổi công nghệ, máy móc thiết bị | | **5.000** | **3.000** | - |
| 3.1 | Sửa chữa tuyến ống DN63 dọc Quốc Lộ 25-huyện Phú Hòa | 08/01/20 | 220 | 220 | 52 |

***3.2. Các công ty con, công ty liên kết:*** Không

**4. Tình hình tài chính:**

**4.1. Tình hình tài chính:**

*Đơn vị tính: đồng*

| Chỉ tiêu | Năm 2018 | Năm 2019 | % Tăng(+) / giảm (-) |
|---|---|---|---|
| *1* | *2* | *3* | *4=(3-2)/2* |
| Tổng giá trị tài sản | 392.171.256.463 | 560.901.729.146 | 43% |
| Doanh thu thuần | 97.915.136.473 | 107.269.858.264 | 10% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 18.376.379.724 | 30.070.077.873 | 64% |
| Lợi nhuận khác | 931.453.215 | (1.026.951.900) | -210% |
| Lợi nhuận trước thuế | 19.307.832.939 | 29.043.125.973 | 50% |
| Lợi nhuận sau thuế | 18.235.150.722 | 26.386.738.654 | 45% |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | 3,5% | 9,5 | 171 |

**** Ghi chú:*** Tỷ lệ trả cổ tức năm 2019 bằng 9,5% là số dự kiến trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 quyết định.

**4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:**

| Chỉ tiêu | Năm 2018 | Năm 2019 | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| ***1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán*** | | | |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn: | 3,38 | 5,95 | |
| Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn | | | |
| + Hệ số thanh toán nhanh: | 3,23 | 5,89 | |
| Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho | | | |

| Chỉ tiêu | Năm 2018 | Năm 2019 | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| Nợ ngắn hạn | | | |
| ***2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn*** | | | |
| + Hệ số Nợ/Tổng tài sản | 0,34 | 0,23 | |
| + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | 0,50 | 0,31 | |
| ***3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động*** | | | |
| + Vòng quay hàng tồn kho | 12,57 | 18,76 | |
| Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân | 12,57 | 18,76 | |
| Doanh thu thuần/Tổng tài sản | 0,25 | 0,19 | |
| ***4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời*** | | | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | 0,19 | 0,25 | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | 0,071 | 0,076 | VHSH bq |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | 0,046 | 0,055 | TTS bq |
| + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | 0,19 | 0,28 | |

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu:**

***5.1. Cổ phần:***

- Tổng số phiếu: 38.398.179 cổ phiếu (mệnh giá 10.000đ/cổ phần), trong đó:

+ Cổ phiếu chuyển nhượng tự do: 29.698.479 cổ phiếu

+ Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: 8.699.700 cổ phiếu

- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông

***5.2. Cơ cấu cổ đông:***

**Bảng 1: Cổ đông lớn (nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần) và cổ đông nhỏ**

| Stt | Tên cổ đông | CMT/ GCN ĐKKD | Địa chỉ | Số cổ phần sở hữu | % VĐL |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Công ty Cổ phần nước Aqua One | Số 0313062501 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 23/12/2014 và sửa đổi lần thứ 2 ngày 03/02/2015 | 04 Nguyễn Đình Chiểu, P.Đa Kao, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh | 22.879.025 | 59,58 |

| Stt | Tên cổ đông | CMT/ GCN ĐKKD | Địa chỉ | Số cổ phần sở hữu | % VĐL |
|---|---|---|---|---|---|
| 2 | Ủy ban Nhân dân tỉnh Phú Yên | | Số 07 Đường Độc Lập, Phường 7, Tp.Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên | 14.740.600 | 38,39 |
| 3 | Cổ đông còn lại | | | 778.554 | 2,03 |
| **Tổng cộng** | | | | **38.398.179** | **100** |

**Bảng 2: Cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài**

| Stt | Họ và tên | Số lượng cổ đông | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Cổ đông trong nước | 205 | 38.398.179 | 100% |
| | Tổ chức | 2 | 37.619.625 | 97,97% |
| | Cá nhân | 203 | 778.554 | 2,03% |
| 2 | Cổ đông nước ngoài | 0 | 0 | 0 |
| 3 | Cổ phiếu quỹ | 0 | 0 | 0 |
| **Tổng cộng** | | **205** | **38.398.179** | **100%** |

**5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

- Phát hành bổ sung 14.798.179 cổ phiếu, tăng số cổ phiếu của Công ty từ 23.600.000 cổ phiếu lên 38.398.179 cổ phiếu.

- Thay đổi tỷ lệ sở hữu:

+ Công ty Cổ phần nước Aqua One: Sở hữu thêm 14.619.025 cổ phiếu, tăng số lượng cổ phiếu sở hữu lên 22.879.025, chiếm 59,58%.

+ Ủy ban Nhân dân tỉnh Phú Yên: Sở hữu 14.740.600 cổ phiếu, còn 38,39%.

+ Cổ đông còn lại: Sở hữu 778.554 cổ phiếu, chiếm 2,03%.

**5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:**Không có giao dịch trong năm 2019.

**5.5. Các chứng khoán khác:** Không phát hành trong năm 2019.

**6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:**

**6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:**

*a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:*

- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng trong năm 2019 để sản xuất chủ yếu gồm các loại hóa chất dùng xử lý nước như: Clo 12,4 tấn; PAC 59 tấn, Phèn Nhôm 26 tấn; Xút (NaOH) 3,9 tấn.

- Nguyên vật liệu được sử dụng để đóng gói: Không.

*b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức:* Không

**6.2. Tiêu thụ năng lượng:**

*a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:*

Tổng lượng điện tiêu thụ khoảng 5,9 triệu kw.

*b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:* Không.

*c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này:* Không.

**6.3. Tiêu thụ nước (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm):**

*a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:*

Nguồn nước: Do Công ty cung cấp.

Lượng nước sử dụng khoảng 3.600$m^3$/năm.

*b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng:* Không

**6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:**

*a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:*Không

*b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường*: Không

**6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:**

*a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:*

- Số lượng lao động tới thời điểm ngày 31/12/2019: 213 người

- Mức lương bình quân:

+ Mức lương bình quân Công ty năm 2018: 7.150.000 đồng/người/tháng.

+ Mức lương bình quân Công ty năm 2019: 7.364.500 đồng/người/tháng.

*b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:* Khám sức khỏe định kỳ, tham quan….

*c) Hoạt động đào tạo người lao động:*

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: Không.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Không.

**6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:**

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: Tích cực tham gia đóng góp ủng hộ các quỹ xã hội, từ thiện do các cấp phát động. Trong năm 2019 tổng số tiền đóng góp từ nguồn quỹ của Công ty và của người lao động là 172.840.100 đồng.

**6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:** Không

**III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc**

**1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:**

***a) Đánh giá kết quả hoạt động:***

- Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính theo kế hoạch cơ bản hoàn thành, doanh thu và lợi nhuận đạt kết quả tốt, vượt chỉ tiêu kế hoạch giao; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thu nộp ngân sách.

- Tổng doanh thu và thu nhập trong năm cao hơn kế hoạch đề ra, trong đó Doanh thu từ hoạt động kinh doanh nước sạch chiếm phần lớn trong tổng doanh thu (85%); doanh thu hoạt động tài chính đạt 365% kế hoạch, riêng doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác chưa đạt so với kế hoạch (68,7%).

***b) Những tiến bộ Công ty đã đạt được:***

- Áp dụng nhiều công nghệ tiên tiến trong quản lý hệ thống cấp nước như Scada, sử dụng biến tần điều khiển tự động áp lực và lưu lượng trạm bơm cấp 2 theo nhu cầu dùng nước của khách hàng thay vì điều khiển bằng tay; giám sát và đo liên tục 24/24 giờ một số chỉ tiêu quan trọng bằng thiết bị đo tự động.

- Phạm vi cung cấp nước ngày càng mở rộng, tỷ lệ dân số thành thị được cung cấp nước sạch năm sau cao hơn năm trước; áp lực và lưu lượng cung cấp đến khách hàng được duy trì ổn định và đáp ứng nhu cầu dùng nước của khách hàng; chất lượng sản phẩm nước sạch đến người tiêu dùng luôn được kiểm soát theo Quy chuẩn của Bộ Y tế.

- Công tác chăm sóc khách hàng ngày càng được chú trọng, đáp ứng kịp thời các yêu cầu của khách hàng về lắp đặt hoặc tư vấn dùng nước sau đồng hồ; bố trí trực nhật và đảm bảo tiếp nhận kịp thời mọi thông tin, phản ánh từ khách hàng. Qua đó ngày càng nâng cao sự hài lòng của khách hàng đối với Công ty.

- Các quy định, quy chế quản lý luôn được hoàn thiện và sửa đổi bổ sung để phù hợp với tình hình cụ thể.

**2. Tình hình tài chính:**

***a) Tình hình tài sản:***

Tình hình quản lý tài sản: Công ty mở sổ sách theo dõi chi tiết tình hình biến động các loại tài sản theo đúng quy định của Thông tư số: 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính: "Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp". Tổng giá trị tài sản cuối năm 2019 là 560.901 triệu đồng.

***b) Tình hình nợ phải trả:***

Quản lý nợ tại doanh nghiệp: Các khoản nợ phải thu, phải trả Công ty mở sổ theo dõi chi tiết cho từng đối tượng, định kỳ đối chiếu công nợ; Công ty không phát sinh các khoản nợ phải trả quá hạn thanh toán.

- Hệ số thanh toán ngắn hạn:(TS ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn): 5,95.
- Hệ số thanh toán nhanh: ((TS ngắn hạn- Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn): 5,89
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản : 0,23
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu : 0,31

Công ty sử dụng vốn hiệu quả, vốn được bảo toàn, đảm bảo khả năng chi trả các khoản nợ (khả năng thanh toán ngắn hạn: 5,95 lần; khả năng thanh toán nhanh là 5,89 lần).

**3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:**

- Ứng dụng công nghệ Scada quản lý, vận hành nhà máy nước Tuy Hòa; Sử dụng biến tần điều khiển máy bơm tại hầu hết các nhà máy; Phân vùng quản lý mạng lưới đường ống bằng hệ thống Scada tại một số nhà máy (Chí Thạnh, La Hai, Hai Riêng và Củng Sơn).

- Ứng dụng nhiều tiện ích của công nghệ thông tin trong công tác quản lý, cung cấp dịch vụ cho khách hàng thông qua website của Công ty với những thông tin như tra cứu về thông tin tiền nước, thanh toán tiền nước, thông tin liên kết thu tiền qua ngân hàng, quy trình và tiến độ giải quyết hồ sơ khách hàng...

- Đa dạng hóa việc thanh toán hóa đơn tiền nước qua hệ thống Ngân hàng bằng các hình thức ủy nhiệm thu; thu qua thẻ ATM, thu tại quầy ngân hàng và tiếp tục nghiên cứu thêm các kênh thanh toán tiện ích cho khách hàng và nâng cao tỷ trọng tiền nước thu được không dùng tiền mặt, đảm bảo công tác quản lý thu nộp tiền nước của Công ty ngày càng an toàn hơn. Triển khai mô hình thu tiền nước tập trung tại tất cả các Xí nghiệp cấp nước.

- Từng bước xây dựng và đào tạo đội ngũ quản lý, chăm sóc khách hàng làm cơ sở cho việc quản lý các phân vùng cung cấp nước nhằm thực hiện hiệu quả công tác giảm thất thoát nước và phục vụ khách hàng tốt hơn.

- Ban hành quy định thưởng và xử lý trách nhiệm trong công tác chống thất thoát, thất thu nước sạch nhằm nâng cao vai trò trách nhiệm của người quản lý, người lao động trong việc tham gia chống thất thoát nước sạch và xác định trách

nhiệm vật chất của người trực tiếp gây ra thất thoát nước, đồng thời động viên, khuyến khích người lao động cũng như các tổ chức khác trong công tác quản lý chống thất thoát nước sạch tại Công ty.

**4. Kế hoạch phát triển năm 2020:**

***4.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh:***

Căn cứ Kế hoạch SXKD 5 năm (2016-2020) đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và Quyết định giao chỉ tiêu kế hoạch của HĐQT, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 cụ thể như sau:

- Sản lượng nước sản xuất : 15.502.000 $m^3$;
- Sản lượng nước tiêu thụ : 12.479.000 $m^3$;
- Tỷ lệ nước thất thoát, thất thu : 19,5%;
- Tổng doanh thu : 124.000 triệu đồng;
- Lợi nhuận trước thuế : 21.000 triệu đồng;
- Nộp ngân sách (thuế phí) : 11.000 triệu đồng;
- Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ : 3,5%.

***4.2. Kế hoạch đầu tư phát triển:***

Tổng vốn đầu tư xây dựng cơ bản kế hoạch năm 2020: 149.600 triệu đồng. Chi tiết như bảng sau:

*Đvt: Triệu đồng*

| Stt | Danh mục dự án/ Nguồn vốn | Địa điểm xây dựng | Thời gian KC-HT | Tổng mức đầu tư | Kế hoạch năm 2020 |
|---|---|---|---|---|---|
| | **TỔNG SỐ** | | | **407.600** | **149.600** |
| **I** | **Vốn góp cổ đông** | | | **120.000** | **55.000** |
| 1 | Cải tạo, nâng cấp Nhà máy nước Tuy Hòa công suất 28.000$m^3$/ngày đêm. | Thành phố Tuy Hòa, huyện Phú Hòa | 2017-2019 | 80.000 | 15.000 |
| 2 | Dự án đầu tư nâng cấp nhà máy nước khu vực Đông Bắc Sông Cầu từ 900$m^3$/ngày đêm lên 10.000$m^3$/ngày đêm (Phân kỳ đầu tư, giai đoạn đến năm 2025: 5.000$m^3$/ngđ; giai đoạn đến năm 2030: 10.000$m^3$/ngđ). | Thị xã Sông Cầu | 2020-2021 | 40.000 | 40.000 |

| Stt | Danh mục dự án/ Nguồn vốn | Địa điểm xây dựng | Thời gian KC-HT | Tổng mức đầu tư | Kế hoạch năm 2020 |
|---|---|---|---|---|---|
| **II** | **Vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp và huy động các nguồn khác** | | | **287.600** | **94.600** |
| | ***Dự án đầu tư mới*** | | | | |
| 1 | Dự án đầu tư nâng cấp nhà máy nước khu vực Đông Bắc Sông Cầu từ 900m$^3$/ngày đêm lên 10.000m$^3$/ngày đêm (Phân kỳ đầu tư, giai đoạn đến năm 2025: 5.000m$^3$/ngđ; giai đoạn đến năm 2030: 10.000m$^3$/ngđ). | Thị xã Sông Cầu | 2020-2021 | 70.000 | |
| 2 | Đầu tư cải tạo mạng đường ống hệ thống cấp nước thị trấn Củng Sơn đạt công suất 3.000m$^3$/ngày đêm. | Thị trấn Củng Sơn và xã Suối Bạc - huyện Sơn Hòa | 2020 | 3.000 | 3.000 |
| 3 | Xây dựng hệ thống cấp nước cho thị trấn Phú Thứ sử dụng nguồn nước nhà máy nước Phú Hòa. | Thị trấn Phú Hòa - huyện Phú Hòa và thị trấn Phú Thứ - huyện Tây Hòa | 2020-2022 | 15.000 | 10.000 |
| 4 | Phát triển tuyến ống cấp nước cho các khu dân cư thuộc xã: An Ninh Đông, An Ninh Tây, huyện Tuy An. | Xã An Ninh Đông, An Ninh Tây - huyện Tuy An | 2020 | 2.000 | 2.000 |
| 5 | Dự án cải tạo, nâng công suất mạng lưới đường ống cấp nước thành phố Tuy Hòa, gồm: cải tạo bể lọc, trạm bơm 2; đầu tư mới kết hợp cải tạo tuyến ống chuyển tải và phân phối. | Tp. Tuy hòa và khu vực lân cận | 2020-2021 | 170.000 | 50.000 |
| 6 | Mái che cho khu xử lý nước Bình Ngọc và lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời, công suất 130kWh. | Thành phố Tuy Hòa | 2020 | 7.000 | 7.000 |

| Stt | Danh mục dự án/ Nguồn vốn | Địa điểm xây dựng | Thời gian KC-HT | Tổng mức đầu tư | Kế hoạch năm 2020 |
|---|---|---|---|---|---|
| 7 | Khảo sát, nghiên cứu, lập đề xuất Dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước Nam Phú Yên, CS 100.000m$^3$/ngày đêm, GĐ1: 50.000m$^3$/ngày đêm: Công tác chuẩn bị đầu tư (FS). | Khu kinh tế Nam Phú Yên | 2020-2025 | | 2.000 |
| 8 | Cải tạo, thay thế một số tuyến cũ; thay đổi công nghệ, máy móc thiết bị cho các nhà máy. | Tất cả các Nhà máy | 2020 | 11.000 | 11.000 |
| 9 | Mua sắm ô tô loại 7 chỗ phục vụ điều hành sản xuất. | Văn phòng Công ty | 2020 | 1.600 | 1.600 |
| | ***Dự án chuyển tiếp từ 2019*** | | | | |
| 1 | Phát triển tuyến ống dịch vụ cấp nước khu dân cư đường Mậu Thân, phường 9; Khu dân cư phía Đông đường Nguyễn Tất Thành (đoạn từ Công ty Thai Nakorn Patana đến đường Mậu Thân), xã Bình Kiến, một số khu vực thuộc huyện Đông Hòa. | Phường 9 và xã Bình Kiến, thành phố Tuy Hòa và huyện Đông Hòa | 2019-2020 | 8.000 | 8.000 |

**4.3. Biện pháp tổ chức thực hiện kế hoạch:**

***a) Hoạt động sản xuất kinh doanh:***

- Tập trung các công tác: Cấp nước an toàn tại các nhà máy; duy trì kiểm soát chất lượng nước theo Quy chuẩn của Bộ Y tế; tuân thủ các qui định về quản lý và bảo vệ môi trường; tăng cường công tác chống thất thoát thất thu và giảm tiêu hao điện năng cho các nhà máy; áp dụng thu tiền sử dụng nước tại quầy, đẩy mạnh công tác nhờ thu qua ngân hàng.

- Chú trọng công tác chăm sóc khách hàng, có giải pháp tuyên truyền vận động người dân tăng cường sử dụng nước tại những vị trí đã đầu tư mạng lưới cấp nước.

- Vận hành ổn định hệ thống xử lý nước thải thành phố Tuy Hòa theo hợp đồng với UBND thành phố Tuy Hòa; thúc đẩy thực hiện các ngành nghề kinh doanh khác như: Thi công xây lắp, tư vấn thiết kế và một số ngành nghề kinh doanh có lợi thế.

***b) Đầu tư phát triển:***

- Tập trung đầu tư các dự án trọng điểm của Công ty gồm: Cải tạo, nâng công suất mạng lưới đường ống cấp nước thành phố Tuy Hòa; đầu tư nâng cấp nhà máy

nước khu vực Đông Bắc Sông Cầu từ 900m$^3$/ng.đ lên 10.000m$^3$/ng.đ; đầu tư hệ thống cấp nước cho thị trấn Phú Thứ triển khai theo kế hoạch và khả năng huy động vốn.

- Tổ chức phân vùng, tách mạng để điều tiết lưu lượng và điều chỉnh áp lực cho từng khu vực một cách hợp lý, hiệu quả nhằm kiểm soát thất thoát nước. Đầu tư phát triển mở rộng mạng lưới cấp nước các khu vực có nhu cầu sử dụng nước.

***c) Quản trị doanh nghiệp:***

- Thực hiện các ý kiến của UBND tỉnh với tư cách là chủ sở hữu phần vốn Nhà nước tại Công ty để duy trì công tác quản lý điều hành hoạt động của doanh nghiệp. Xây dựng cơ chế phối hợp với nhà đầu tư chiến lược để tạo sự đồng thuận trong HĐQT và Ban Kiểm soát; xây dựng bổ sung một số quy chế cần thiết cho phù hợp với tình hình, điều kiện phát triển của doanh nghiệp trên cơ sở các quy định của Luật Doanh nghiệp.

- Nghiên cứu, điều chỉnh bổ sung các quy chế quản trị doanh nghiệp, quản lý tài chính, nội quy lao động, các quy định quản lý hoạt động phù hợp với thực tế hoạt động của Doanh nghiệp. Chú trọng nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị và người đứng đầu các bộ phận trong doanh nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị. Tăng cường kiểm soát công tác tài chính và tổ chức hoạt động các đơn vị quản lý trực thuộc để từng bước thực hiện cơ chế ủy quyền và chủ động quản lý kinh doanh tại cơ sở.

- Quản lý, sắp xếp lao động hợp lý nhằm nâng cao hiệu quả công việc của người lao động, đồng thời duy trì ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động. Cải tiến quy chế trả lương, xét thưởng cho người quản lý và người lao động trong Công ty. Kiểm soát vận hành Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và thực hiện công bố thông tin minh bạch.

**5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:** Không

**6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty:**

*a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:* Không

*b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:*

Nhìn chung, Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên có đội ngũ cán bộ kỹ thuật, công nhân lao động lành nghề, có tính kỷ luật cao và đáp ứng được yêu cầu chuyên môn theo từng công việc. Tuy nhiên, vẫn còn một số lao động trình độ chuyên môn không phù hợp với vị trí công tác, chưa nhận thức hết yêu cầu làm việc trong môi trường công ty cổ phần, chưa thay đổi phong cách làm việc cho phù hợp với yêu cầu của tình hình mới nên hiệu quả công việc mang lại chưa cao.

*c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:*

Doanh nghiệp đã thể hiện trách nhiệm đối với cộng đồng qua các việc sau:

- Đảm bảo sản xuất, cung cấp nước ổn định, đáp ứng đủ nhu cầu dùng nước của các đối tượng khách hàng; chất lượng sản phẩm nước sạch đến người tiêu dùng luôn được kiểm soát theo Quy chuẩn của Bộ Y tế. Góp phần thực hiện thành công các nhiệm vụ an sinh xã hội của chính quyền địa phương.

- Tích cực tham gia đóng góp ủng hộ các quỹ xã hội, từ thiện do các cấp phát động. Trong năm 2019 tổng số tiền đóng góp từ nguồn quỹ của Công ty và của người lao động là 172.840.100 đồng.

**IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:**

**1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty:**

- Hoạt động sản xuất và cung ứng nước sạch của Công ty được duy trì ổn định, đáp ứng đủ nhu cầu dùng nước của các đối tượng khách hàng; chất lượng sản phẩm nước sạch đến người tiêu dùng luôn được kiểm soát theo Quy chuẩn của Bộ Y tế.

- Các hoạt động của HĐQT, BKS và Ban Điều hành được duy trì theo đúng điều lệ. Thực hiện nghiêm túc công tác công bố thông tin của Công ty đại chúng.

- Công tác tài chính kế toán được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo mục tiêu bảo toàn, phát triển vốn.

**2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty:**

- Ban Giám đốc Công ty đã có nhiều cố gắng trong điều hành để thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019. Hầu hết các chỉ tiêu trong kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 đều đạt và vượt. Tổng doanh thu và thu nhập trong năm cao hơn so với kế hoạch.

- Một số mục tiêu của HĐQT có đề ra nhưng thực hiện chậm gồm: Công tác đầu tư phát triển năm 2019 có nhiều tiến triển tuy nhiên chưa bảo đảm kế hoạch giao, khối lượng thực hiện giải ngân thấp (27.662 triệu đồng); phương án tăng doanh thu từ các hoạt động ngoài sản xuất và cung ứng nước sạch chưa được chú trọng.

**3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT:**

*3.1. Sản xuất kinh doanh:*

Chỉ đạo, quản trị hoạt động sản xuất-kinh doanh của Công ty để đạt và vượt các chỉ tiêu chính của năm 2020 như sau:

- Sản lượng nước sản xuất : 15.502.000 $m^3$;
- Sản lượng nước tiêu thụ : 12.479.000 $m^3$;
- Tỷ lệ nước thất thoát, thất thu : 19,5%;
- Tổng doanh thu : 124.000 triệu đồng;
- Lợi nhuận trước thuế : 21.000 triệu đồng;
- Nộp ngân sách (thuế phí) : 11.000 triệu đồng;
- Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ : 3,5 %.

Công ty đảm bảo thực hiện tốt các giải pháp quản lý mạng lưới cấp nước và chăm sóc khách hàng để ngày càng nâng cao chất lượng dịch vụ; quản lý hiệu quả các chỉ tiêu kinh doanh nước sạch góp phần nâng cao doanh thu tiền nước nói riêng và hiệu quả kinh doanh nói chung.

*3.2. Công tác đầu tư:*

Tổng mức đầu tư các dự án theo danh mục: 407 tỷ 600 triệu đồng, trong đó tổng vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo kế hoạch 2020 là 149 tỷ 600 triệu đồng.

- Một số dự án lớn triển khai trong năm như sau:

+ Các dự án lớn khác sẽ triển khai theo phân kỳ bắt đầu từ năm 2020, cụ thể trong năm sẽ cải tạo, nâng công suất mạng lưới đường ống cấp nước thành phố Tuy Hòa, gồm: cải tạo bể lọc, trạm bơm 2; đầu tư mới kết hợp cải tạo tuyến ống truyền tải và phân phối trên địa bàn thành phố Tuy Hòa và khu vực lân cận. Tổng mức đầu tư dự kiến 170 tỷ đồng, trong đó vốn thực hiện trong năm 2020 là 50 tỷ đồng.

+ Nâng cấp nhà máy nước Đông Bắc Sông Cầu từ 900m$^3$/ngày đêm lên 10.000m$^3$/ngày đêm. Phân kỳ đầu tư, giai đoạn đến năm 2025 đạt 5.000m$^3$/ngđ; giai đoạn đến năm 2030 đạt 10.000m$^3$/ngđ với tổng số vốn 110 tỷ đồng. Trong đó, vốn góp cổ đông là 40 tỷ, vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp và huy động khác là 70 tỷ đồng.

+ Dự án xây dựng hệ thống cấp nước cho thị trấn Phú Thứ, huyện Tây Hòa sử dụng nguồn nước nhà máy nước Phú Hòa với tổng vốn đầu tư dự kiến 15 tỷ đồng, kế hoạch vốn trong năm 2020 là 10 tỷ đồng; dự án cải tạo, thay thế một số tuyến ống cũ; thay đổi công nghệ, máy móc thiết bị cho tất cả các Nhà máy thuộc Công ty với số vốn đầu tư 11 tỷ đồng trong năm 2020.

- Ngoài ra, trong năm 2020 Công ty sẽ triển khai một số dự án vừa và nhỏ khác để nâng cao hiệu quả cấp nước nhằm tăng doanh thu, lợi nhuận; từng bước hiện đại hệ thống cấp nước của Công ty trên địa bàn toàn tỉnh.

*3.3. Về quản lý:*

- Sửa đổi Điều lệ Công ty;

- Sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định đã ban hành nhưng còn bất cập trong quá trình thực hiện;

- Tiếp tục chỉ đạo kiện toàn công tác tổ chức bộ máy, đảm bảo yêu cầu phân quyền; phân cấp cho các đơn vị trong Công ty để các đơn vị chủ động trong điều hành sản xuất;

- Tăng cường công tác giám sát, chỉ đạo Ban Điều hành một cách có hiệu quả trong quá trình sản xuất kinh doanh.

*3.4. Về nhân sự - lao động:*

- Ổn định lực lượng lao động; đảm bảo đời sống người lao động ngày được cải thiện.

- Chú trọng công tác quy hoạch nhân sự; nâng cao năng suất lao động, đào tạo lực lượng lao động tâm huyết, giỏi chuyên môn và thân thiện với khách hàng; nâng cao mức ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ yêu cầu chất lượng dịch vụ khách hàng nói riêng và công tác quản lý nói chung … để xây dựng Công ty ngày càng phát triển, chuyên nghiệp và hiện đại.

**V. Báo cáo tài chính:**

**1.** Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C tại Nha Trang đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên.

**2.** Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên đã được lập đúng quy định, nộp đúng thời hạn và do Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C tại Nha Trang thực hiện.

**3. Ý kiến của đơn vị kiểm toán:**

- Đánh giá của đơn vị kiểm toán đối với Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên được thể hiện tại Báo cáo kiểm toán số 3.0045/20/TC-AC ngày 02/3/2020 của Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C tại Nha Trang.

- Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**4. Báo cáo tài chính được kiểm toán:** Toàn nội dung Báo cáo tài chính năm 2019 đã kiểm toán được đính kèm theo báo cáo này./.

*Phú Yên, ngày 20 tháng 3 năm 2020*

***Nơi nhận:***
- Các thành viên HĐQT;
- Trưởng BKS;
- Ban Giám đốc;
- Lưu VT, Tổ CBTT.

**GIÁM ĐỐC**

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Đỗ Hoàng Long